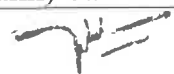


Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên: Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh <p>Đại diện là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam - Địa chỉ: 16 Âu Cơ, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028.38122585 - Fax: 028.38122586
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu: Gói 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB (bao gồm PCCC) thuộc Công trình: Nâng công suất TBA 110kV Di Linh, - Các nội dung công việc cụ thể được mô tả trong HSMT tại: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu thi công xây dựng mua bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng, bảo hiểm vận chuyển cho VTTB A cấp (nếu có) và VTTB B cấp, bảo hiểm vật tư thiết bị của nhà thầu, bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của nhà thầu đối với bên thứ ba. + Đền bù phục vụ biện pháp thi công. + Thi công xây lắp công trình theo tiên lượng mời thầu. + Cung cấp và lắp đặt vật tư thiết bị B cấp theo tiên lượng mời thầu + Thí nghiệm hiệu chỉnh, bàn giao, bảo hành theo luật định. + Thực hiện công tác quản lý môi trường trong quá trình thi công + Các nội dung công việc cụ thể được mô tả trong HSMT tại: Bảng chi tiết hạng mục xây lắp Mẫu số 01B và Tập 2 – Chỉ dẫn kỹ thuật vật tư thiết bị.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Công trình nằm trong khuôn viên hàng rào TBA 110/22kV Di Linh 1, địa chỉ số 721 Hùng Vương, thuộc xã Di Linh tỉnh Lâm Đồng (khu phố 10, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trước đây) và được xác định trong Tập 4 HSMT: Các Bản vẽ.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (đã bao gồm ngày lễ và nghỉ theo quy định)
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (đã bao gồm ngày lễ và nghỉ theo quy định)
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.29	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn quản lý dự án: Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam - Tư vấn giám sát là: Chủ đầu tư thông báo sau
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hợp đồng thi công xây dựng, Bảng giá hợp đồng. 2. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu (HSDT) và trao hợp đồng. 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. 4. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng. 5. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục. 6. HSDT của Nhà thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có). 7. Hồ sơ mời thầu (HSMT) và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có). 8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có) như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết; - Biện pháp tổ chức thi công; - Thiết kế bản vẽ thi công được duyệt; - Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có); - Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B ...); - Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình; - Các biên bản họp có đầy đủ chữ ký hợp pháp của đại diện chủ đầu tư và của nhà thầu; - Các phụ lục bổ sung hợp đồng được ký kết, Phụ lục tồn tại của Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư ... (nếu có) - Các văn bản cam kết của nhà thầu. <p>-</p>
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành.. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày (bảy ngày) kể từ ngày hợp đồng được ký kết, Bên B phải cung cấp một (01) bản chính và bốn (04) bản sao y (của đơn vị bảo lãnh) bảo đảm




A. Các quy định chung

	<p>thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu theo Mẫu số 15 Chương VIII).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do Nhà thầu vi phạm các hành vi được quy định của hợp đồng này, Chủ đầu tư sẽ tịch thu 100% bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</p>



A. Các quy định chung	
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 28 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.
E-ĐKC 19.1	- Yêu cầu về bảo hiểm: Chứng thư bảo hiểm xây lắp công trình sẽ được xuất trình chậm nhất là 06 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo hiểm là Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Số tiền bảo hiểm tối thiểu, tiền khấu trừ và thời hạn bảo hiểm phải là: a) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng Công trình, cây cối và vật liệu: 110% Giá hợp đồng. Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. b) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng Thiết bị: + Đối với phần VTTB do A cấp: - Bồi thường cho Chủ dự án theo giá thị trường do Chủ dự án quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ dự án), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp với đơn vị bảo hiểm hoàn tất

A. Các quy định chung	
	<p>việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Nhà thầu mua bảo hiểm vật tư thiết bị A cấp tính từ ngày Bên A thông báo giá trị vật tư thiết bị mua bảo hiểm đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. <p>c) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền bảo hiểm tối thiểu: 50% Giá hợp đồng. - Mức phí khấu trừ tối đa: (20.000.000/30.000.000) đồng. - Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. <p>d) Đối với tổn hại cá nhân hoặc chết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên của Nhà thầu: tối thiểu 100.000.000 đồng / người. - Của người khác: tối thiểu 100.000.000 đồng / người. - Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời gian bảo hành công trình.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời hạn bảo hành công trình không ít hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu. (Tham chiếu Chương V – Phần 2 E-HSMT)
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ít nhất là 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên..</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: Căn cứ Lệnh khởi công. - Ban A chỉ thực hiện khởi công gói thầu xây dựng khi địa phương đã phê duyệt phương án bồi thường và/hoặc vận động bàn giao mặt bằng được tối thiểu 50% mặt bằng đối với công trình đường dây và 100% mặt bằng đối với công trình trạm biến áp, đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện khởi công theo quy định tại Khoản 39, Điều 1, Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14. - Ngày hoàn thành dự kiến: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (đã bao gồm ngày lễ và nghỉ theo quy định).

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 29.1	<p>- Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng. Nhà thầu lập tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công trình gửi cho Bên A xem xét, đồng thời thiết lập biện pháp thi công, biểu đồ nhân lực và biện pháp an toàn phù hợp. Bên B lập bảng tiến độ thi công, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng tiến độ tổng thể bằng phần mềm Microsof Project. + Bảng tiến độ thi công chi tiết nêu rõ thời gian thi công từng hạng mục và từng vị trí trụ của toàn công trình (cấp 2). + Ngoài ra định kỳ hàng tuần Bên B phải có báo cáo tiến độ thi công và lập tiến độ thi công chi tiết cho tuần kế tiếp gửi cho Bên A (cấp 3)...
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 5% giá trị của đợt thanh toán kế tiếp.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác để thỏa thuận điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bất khả kháng: Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường: <ul style="list-style-type: none"> + Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch; + Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng; + Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và + Thực tế không thể quy cho bên kia. - Trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp hoặc trở ngại khác..
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật được quy định ở Chương V- Yêu cầu kỹ thuật. - Nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương Mại nước sản xuất ban hành đối với hàng ngoại nhập trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất hàng hóa; <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải cung cấp Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất có nêu tên, mã hiệu của hàng hóa; - Nhà thầu phải lấy mẫu đất để thử nghiệm đầm nén đất đắp móng cột cho tất cả các loại móng.

A. Các quy định chung	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư tổ chức việc chứng kiến lấy mẫu thử nghiệm tại nơi sản xuất hoặc nhà cung ứng và tại hiện trường; - Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu VTTB tập kết tại công trường, kiểm tra việc bảo quản theo quy định (kể cả VTTB A cấp)..
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	<p>a) Giá trị tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng (không bao gồm thuế VAT và chi phí dự phòng).</p> <p>b) Thời gian tạm ứng: 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng.</p> <p>c) Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>d) Hồ sơ tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản yêu cầu tạm ứng (04 bản chính); - Bảo đảm thực hiện hợp đồng (01 bản chính + 04 bản sao y của Ngân hàng); - Bảo lãnh tiền tạm ứng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu (01 bản chính + 04 bản sao y của Ngân hàng); - Hợp đồng bảo hiểm (04 bản chính kèm theo chứng nhận bảo hiểm, hoá đơn trả phí bảo hiểm); - Lệnh khởi công của Bên A. <p>e) Hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng là: Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng.</p> <p>f) Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>g) Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A chuyển tiền tạm ứng, Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định tại Điều kiện chung của hợp đồng. Bên B sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích. + Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng.

A. Các quy định chung	
	<p>+ Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>- Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>h) Thu hồi tiền tạm ứng:</p> <p>Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng. Giá trị thu hồi tạm ứng được xác định theo công thức:</p> $\text{Tỷ lệ thu hồi tạm ứng (\%)} = \frac{\% \text{ Giá trị thanh toán đợt so với hợp đồng}}{80\%} \times 100\%$
E-ĐKC 44.1	<p>1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</p> <p>2. Thời hạn thanh toán: 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng.</p> <p>3. Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần thanh toán: Số lần thanh toán sẽ được tiến hành không quá 06 đợt (không kể đợt thanh toán tạm ứng lần đầu) và giá trị đợt lấy theo khối lượng nghiệm thu hoàn thành từng đợt. Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng, giá trị còn lại sẽ thanh toán vào đợt cuối. - Thanh toán đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp sử dụng thừa và VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công ...) và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 05% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành theo E-ĐKC 46.1: <p>+ Trước khi tiến hành thi công các hạng mục cải tạo, Nhà thầu phối hợp cùng với Đơn vị QLDA và Đơn vị Quản lý vận hành tiến hành kiểm tra và lập biên bản thống kê vật tư thu hồi trước và sau khi tháo dỡ. Khi tháo dỡ VTTB thu hồi, Nhà thầu phải tháo dỡ theo hiện trạng thực tế có sự giám sát của Đơn vị Quản lý vận hành để xác định chủng loại, tỷ trọng, chất lượng thực</p>

A. Các quy định chung

tế và Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản, thông báo thời gian và khối lượng VTTB thu hồi bàn giao từng đợt để Đơn vị QLDA phối hợp với Đơn vị quản lý vận hành chuẩn bị kho bãi tiếp nhận.

- + Nhà thầu không tự ý cắt vụn dây dẫn thu hồi hoặc làm hư hỏng hay thất thoát VTTB thu hồi. Trường hợp VTTB thu hồi bàn giao cho Đơn vị Quản lý vận hành bị hư hỏng, thiếu hụt so với biên bản xác nhận vật tư thiết bị tháo gỡ sau cùng giữa các bên thì Nhà thầu phải bồi thường bằng VTTB mới đúng với chủng loại, số lượng cần phải hoàn trả hoặc bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm bồi thường và phải hoàn trả trước khi quyết toán đợt cuối.
- + Đối VTTB A cấp sử dụng thừa: Trường hợp nhà thầu không thể hoàn trả VTTB A cấp sử dụng thừa (trên cơ sở biên bản hoàn trả VTTB A cấp sử dụng thừa) do đã làm mất mát, hư hỏng ... thì nhà thầu phải bồi thường bằng VTTB mới đúng với chủng loại, số lượng cần phải hoàn trả hoặc bồi thường bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm bồi thường do Chủ đầu tư quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Bên A) cộng thêm các phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi ... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn trả trước khi quyết toán đợt cuối.

4. Hồ sơ thanh toán:

❖ Đối với phần xây lắp:

- Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng.

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên A hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên B.

- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành) được tính trên cơ sở: khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có), giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán.

- Hóa đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính.

- Các hồ sơ chất lượng kèm theo.

❖ Hồ sơ chứng minh chất lượng hàng hóa:

- Các đợt: Bên B sẽ cung cấp cho Bên A một (01) bản gốc và ba (03) bản sao có sao y bản chính và đóng dấu giáp lai các chứng từ được nêu dưới đây:

- Bảng kê đóng gói;

- Bản sao y có công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do

A. Các quy định chung	
	<p>phòng Thương Mại nước sản xuất ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa (Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu) và số serial (Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial) của thiết bị; - Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất; - Kết quả kiểm tra chất lượng (thử nghiệm mẫu) do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật của HSMT (áp dụng đối với các vật tư thiết bị có lấy mẫu thử nghiệm); - Biên bản nghiệm thu lắp dựng cột mẫu (<i>Áp dụng đối với cột thép</i>); - Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của các hàng hóa giữa Bên A và Bên B sau khi thiết bị được lắp đặt tại công trường. - Bản sao hồ sơ nguồn gốc (CO, CQ, test đối với vật tư xuất khẩu). - Biên bản chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy của Bên Bán với các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật của Hợp đồng (nếu có). Chi phí thử nghiệm do Bên bán chịu, bao gồm cả chi phí vé máy bay, đi lại, ăn ở,... cho các đại diện bên Mua. - Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của các hàng hóa giữa Bên mua và Bên bán sau khi thiết bị được lắp đặt tại công trường. <p style="text-align: center;">(Đối với hàng hóa nước ngoài sẽ cung cấp bản sao y có công chứng: Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành; Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất.)</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép, trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán, nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>a) Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 05% giá trị thanh toán đợt.</p> <p>b) Thời hạn bảo hành công trình không ít hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình.</p> <p>c) Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <p>d) Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể</p>



A. Các quy định chung	
	<p>từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>e) Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>f) Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>g) Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Các trường hợp khác áp dụng theo quy định hiện hành của nhà nước.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Phạt hợp đồng: Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình do lỗi chủ quan của Bên B, không do các nguyên nhân khách quan khác (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, các trường hợp thay đổi thiết kế, các trường hợp liên quan đến công tác đền bù giải phóng mặt bằng và vật tư do Bên A cung cấp) thì Bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; - Chậm mỗi 02 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; - Mức phạt: Tổng số tiền phạt do vi phạm hợp đồng không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Ngoài việc phạt hợp đồng các trường hợp vi phạm nêu tại Mục 42.1 nêu trên, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) với mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia (mức tổn thất sẽ được các bên xác



A. Các quy định chung	
	<p>định cụ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng). Phạt chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu, các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu,...; - Thi công công trình không đảm bảo chất lượng, gây lún, nứt, chuyển vị,..., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng mà không phải nguyên nhân từ đơn vị tư vấn thiết kế; - Thi công công trình không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt mà không có ý kiến chấp thuận của bên A; - Thi công công trình không phù hợp với biện pháp thi công được duyệt, để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình
E-ĐKC 49.3	Thương hợp đồng: Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận hoàn thành hoặc trong vòng 07 ngày kể từ ngày Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công Trong vòng 28 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: Tổng số tiền giữ lại vì không nộp bản vẽ hoàn công vào ngày yêu cầu được tính bằng 0,1% (không phải một phần trăm) giá trị Hợp đồng cuối cùng cho mỗi ngày.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng..

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.